

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 51/2007/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, cấp Giấy chứng nhận và Giấy phép
kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/04/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của
Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết việc lập Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng; thủ tục cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng với mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký, khai thác, kinh doanh cảng hàng không, sân bay; cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Mục 1

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ đầu tư được gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác;
- b) Bản sao Quyết định thành lập tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Bản sao Quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;
- d) Bản sao Quyết định phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay;
- đ) Tài liệu về kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay theo Phụ lục 1 của Quyết định này;
- e) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận về việc nộp lệ phí.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Tài liệu nêu tại các điểm a, b, c, d và e của khoản 3 Điều này;
- b) Bản sao Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu trong trường hợp chủ đầu tư là cá nhân;
- c) Bản sao Dự án đầu tư, xây dựng cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy phép xây dựng.

Điều 4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thông báo kế hoạch kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2. Nội dung kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay bao gồm:

- a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay;
- b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;
- c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo mẫu tại Phụ lục 2 của Quyết định này, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

4. Sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định tại Điều 50 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Hồ sơ đề nghị đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định này.

5. Việc đăng ký cảng hàng không, sân bay có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Hàng không Việt Nam ghi vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

Mục 2

SỔ ĐĂNG BẠ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 5. Lập và quản lý Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lập, ghi chép, cập nhật thông tin, quản lý Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.
2. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay được lập dưới dạng Sổ giấy và Sổ điện tử.

Điều 6. Nội dung Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay ghi các thông tin liên quan đến đăng ký cảng hàng không, sân bay, đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.
2. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin sau đây:
 - a) Ngày vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay đối với từng loại đăng ký;
 - b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký: số, ngày cấp;
 - c) Tên, địa chỉ của chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;
 - d) Tên cảng hàng không, sân bay;

đ) Vị trí, tọa độ cảng hàng không, sân bay;

e) Cấp sân bay;

g) Mục đích khai thác;

h) Năng lực khai thác.

Điều 7. Sửa đổi nội dung trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Việc sửa đổi nội dung đăng ký trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay phải được thực hiện trong trường hợp nội dung quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 6 của Quyết định này có thay đổi.

2. Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải thường xuyên cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung đăng ký trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi thông tin, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị sửa đổi; tên cảng hàng không, sân bay; nội dung đề nghị sửa đổi;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đã cấp.

4. Cục Hàng không Việt Nam sửa đổi nội dung trong Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay;

c) Chương trình an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay;

d) Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay;

đ) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận về việc nộp lệ phí.

Điều 9. Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thông báo kế hoạch kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2. Nội dung kiểm tra kỹ thuật cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Tổ chức, trang bị, thiết bị, các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.

5. Trong khi chờ Tiêu chuẩn kỹ thuật cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay được ban hành, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra kỹ thuật, quy trình khai thác, giám sát việc thực hiện các điều kiện khai thác cảng hàng